

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM  
MINISTRY OF CONSTRUCTION  
VIETNAM REGISTER  
Số (N<sup>o</sup>): 25KMC/275192



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**  
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental  
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MINH ANH

Địa chỉ (Address): Số nhà 133, Ngõ 119, Đường Giáp Bát, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): SAKAI

Tên thương mại (Commercial name): HV61ST

Số khung (Chassis N<sup>o</sup>): 5HV2160771

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N<sup>o</sup>/date): 107599626300/09/10/2025

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N<sup>o</sup>): 020967/25MC-167/010

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 24/11/2025 / Tỉnh Hưng Yên

Số đăng ký kiểm tra (Registered N<sup>o</sup> for inspection): 020967/25MC

Mã kiểu loại (Model code): HV61ST

Màu xe (Vehicle color): Trắng - Xanh

Số động cơ (Engine N<sup>o</sup>): E756EQ0622

Năm sản xuất (Production year): 2014

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN**  
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	630	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2430 x 680 x 1185	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	E75-ENB3, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	3,7/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	3,5	km/h

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG**  
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	11,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	1/355x635	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	1/355x635	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars N<sup>o</sup> 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15<sup>th</sup>, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

TL. CỤC TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Kha

Ký bởi: Cục Đăng  
kiểm Việt Nam

Email: vr@vr.org.vn

Cơ quan: BỘ XÂY

DỰNG

Thời gian:

26/11/2025

07:57:13

Ký bởi: Đỗ Văn Kha

Email:

khavaq.vr@mt.gov.v

n

Cơ quan: CỤC ĐĂNG

KIỂM VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian:

26/11/2025 07:57:12

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, lưu trữ, v.v.  
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3616655